

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

- Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tài Nguyên**
 - Mã chứng khoán: **TNT**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: (84-4) 6251 0894; Fax: (84-4) 6251 0895
 - Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Bá Huân**
- Loại thông tin công bố ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tài Nguyên công bố Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của TNT vào ngày 28/03/2019 tại đường dẫn www.tainguyen.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm

- BCTC kiểm toán năm 2018.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÁ HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 25/06/2018)
Ông Nguyễn Gia Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/10/2018)

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Bá Huân	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 07/01/2019)
Ông Nguyễn Gia Long	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 07/01/2019)
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN



Nguyễn Bá Huân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số: 188 -19/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số V.5 - "Phải thu khác" của bản thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản ký cược ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 13 tỷ đồng. Đây là khoản tiền đặt cọc cho ông Nguyễn Hùng Cường (đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam) để mua bán Lô đất A1.1, Đường Hoàng Sa, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam làm chủ sở hữu. Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã nộp đơn kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam lên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam ủy quyền cho ông Nguyễn Hùng Cường về việc đàm phán giao dịch, ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tài Nguyên. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty vẫn đang trong quá trình kiện tụng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án nhân dân, Công ty sẽ thu hồi được khoản phải thu này với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào kết quả phán quyết cuối cùng của Tòa án.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 09/04/2018. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty đối với ông Trần Thanh Nga về việc nhận góp vốn để mua căn nhà vườn trong dự án khu chung cư Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với số tiền 14,44 tỷ đồng (Trong đó số dư nợ gốc là 10 tỷ đồng, số lãi phải trả là 3,44 tỷ đồng và số tiền phạt chậm trả là 1 tỷ đồng). Ngày 30/08/2018, Công ty đã có biên bản làm việc ba bên giữa Công ty, ông Trần Thanh Nga và Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41. Theo đó, Công ty CP Tài Nguyên không còn nghĩa vụ nợ phải trả ông Trần Thanh Nga về sự việc trên.



Ngô Bá Duy

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Nguyễn Vũ Huy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.602.914.174	151.751.343.819
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	1.248.420.619	2.609.194.454
1 Tiền	111		1.248.420.619	2.609.194.454
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.947.104.526	136.576.397.995
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	59.759.358.006	70.305.027.491
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	17.170.101.200	1.627.734.140
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	31.038.068.258	64.943.636.364
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(14.020.422.938)	(300.000.000)
IV Hàng tồn kho	140	V.7.	17.634.919.649	12.511.593.135
1 Hàng tồn kho	141		17.634.919.649	12.511.593.135
V Tài sản ngắn hạn khác	150		772.469.380	54.158.235
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	17.118.423	21.987.120
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		723.179.842	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	32.171.115	32.171.115
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.813.152.842	213.960.935.812
I Các khoản phải thu dài hạn	210		170.210.000.000	204.924.550.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	170.210.000.000	204.924.550.000
2 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II Tài sản cố định	220		2.306.216.609	2.907.958.061
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	2.306.216.609	2.907.958.061
- Nguyên giá	222		3.429.650.909	3.429.650.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.123.434.300)	(521.692.848)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	-
- Nguyên giá	228		47.365.000	47.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.365.000)	(47.365.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	15.255.906.853	5.980.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		15.510.000.000	5.980.000.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(254.093.147)	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		41.029.380	148.427.751
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	41.029.380	148.427.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		301.416.067.016	365.712.279.631

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
C NỢ PHẢI TRẢ	300		33.685.903.754	96.064.423.282
I Nợ ngắn hạn	310		32.368.933.754	94.333.393.282
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	27.623.863.125	77.992.585.299
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	-	9.500.000.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	34.150.103	440.682.649
4 Phải trả người lao động	314		215.990.000	217.000.000
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	925.823.636	925.823.636
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	3.155.046.890	4.843.241.698
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	414.060.000	414.060.000
II Nợ dài hạn	330		1.316.970.000	1.731.030.000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.	1.316.970.000	1.731.030.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17.	267.730.163.262	269.647.856.349
I Vốn chủ sở hữu	410		267.730.163.262	269.647.856.349
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.000.000.000	255.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.000.000.000	255.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2.019.000.000	2.019.000.000
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.711.163.262	12.628.856.349
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		12.628.856.349	8.839.724.959
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.917.693.087)	3.789.131.390
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		301.416.067.016	365.712.279.631

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Tươi



Vũ Thị Hồng Nhung



Nguyễn Bá Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	44.295.989.020	142.381.999.956
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		44.295.989.020	142.381.999.956
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	38.114.716.812	133.300.264.051
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.181.272.208	9.081.735.905
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	10.502.224.945	4.366.348
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	474.890.426	238.887.226
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		220.797.279	147.269.568
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7.	283.658.105	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	17.781.587.128	4.338.316.896
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.856.638.506)	4.508.898.131
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	28.047.739	-
12 Chi phí khác	32	VI.6.	89.102.320	719.766.741
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(61.054.581)	(719.766.741)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.917.693.087)	3.789.131.390
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.917.693.087)	3.789.131.390

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Tươi

Vũ Thị Hồng Nhung



Nguyễn Bá Huân

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.917.693.087)	3.789.131.390
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		601.741.452	461.426.908
- Các khoản dự phòng	03		13.974.516.085	(200.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.502.224.945)	(4.366.348)
- Chi phí lãi vay	06		220.797.279	147.269.568
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.377.136.784	4.193.461.518
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.900.240.689	3.211.213.121
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.123.326.514)	(11.435.860.289)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(61.964.459.528)	5.437.928.479
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		112.267.068	127.560.614
- Tiền lãi vay đã trả	14		(220.797.279)	(147.269.568)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.918.938.780)	1.387.033.875
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.525.661.818)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.530.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.502.224.945	4.366.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		972.224.945	(2.521.295.470)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.659.503.383
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(414.060.000)	(1.014.913.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(414.060.000)	1.644.590.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.360.773.835)	510.328.405
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.609.194.454	2.098.866.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	1.248.420.619	2.609.194.454

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Tươi



Vũ Thị Hồng Nhung



Nguyễn Bá Huân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007. Công ty có 20 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 20 ngày 03/01/2019 do thay đổi người đại theo pháp luật thì vốn Điều lệ của Công ty là **255.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNT.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng và thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, Số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Tùy từng lĩnh vực kinh doanh mà chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

- Đối với hoạt động kinh doanh bán hàng thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.
- Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên	Tầng 5, số nhà 34, phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ Bất động sản, bán buôn nông lâm sản nguyên liệu	51,00%	51,00%	51,00%
2. Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên	Km28, thôn Tân Phương, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

bày tại Thuyết minh số I.5.) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng đối với Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn với khung thời gian khấu hao là từ 06 - 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: phí bảo hiểm xe ô tô, chi phí thiết kế, lắp đặt văn phòng, phí sử dụng đường bộ, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và từ trên 12 tháng đến không quá 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí bảo hiểm xe ô tô: Chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí thiết kế, lắp đặt văn phòng: Chi phí phát sinh có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến không quá 36 tháng.

Chi phí Phí sử dụng đường bộ: Chi phí phát sinh có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng ghi trong biên lai thu phí là 2,5 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) và ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thông báo từ BCC hoặc phân chia sản phẩm phụ thuộc vào khả năng có lợi nhất theo thỏa thuận của BCC.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước chi phí phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO về chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, số tiền 925.823.636 đồng. Đến thời điểm 31/12/2018, khoản chi phí trên vẫn chưa được Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO lập hoá đơn và bàn giao cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

16. Nguyên tắc chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với cung cấp hàng hóa.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền		
Tiền mặt	806.870.916	1.421.314.469
Tiền gửi ngân hàng	441.549.703	1.187.879.985
Cộng	1.248.420.619	2.609.194.454

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Đầu tư vào công ty con	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên (1)	15.510.000.000	254.093.147	5.980.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên (2)	15.300.000.000	254.093.147	5.980.000.000	-
	210.000.000	-	-	-
Cộng	15.510.000.000	254.093.147	5.980.000.000	-

Tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con:

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Dịch vụ Tài Nguyên số 0103903765 thay đổi lần thứ 8 ngày 15 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 9.320.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn theo điều lệ 15.300.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.980.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ).

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên số 0108268549 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 210.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 210.000.000 VND, tương đương 0,42% vốn điều lệ (số đầu năm là 0 VND, tương đương 0% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên là 49.790.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Dịch vụ Tài Nguyên đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con trong năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Dịch vụ Tài Nguyên: Công ty phát sinh giao dịch nhận vốn góp trong năm.

Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên: Công ty phát sinh giao dịch nhận vốn góp trong năm.

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Phát triển Ngọc Linh	-	-	14.224.948.141	-
Công ty TNHH Đá Châu Âu	4.800.000.000	3.360.000.000	11.941.093.486	-
Công ty TNHH Tần	7.182.843.532	5.027.990.472	7.182.843.532	-
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	4.615.424.168	6.593.463.097	-
Công ty CP Đầu tư AVF	5.188.619.461	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại On Home Việt Nam	32.000.000	-	10.036.144.906	-
Công ty CP Nền móng Mindipile	1.336.124.410	-	8.037.011.871	-
Công ty Cổ Phần Đá An Hưng	1.024.297.568	717.008.298	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41 (*)	32.214.550.000	-	-	-
Các đối tượng khác	1.387.459.938	-	12.289.522.458	-
Cộng	59.759.358.006	13.720.422.938	70.305.027.491	

(*) Khoản phải thu về chuyển nhượng phần vốn góp tại Dự án Khu chung cư để bán và văn phòng làm việc cho thuê tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng số 1012/2018/HĐCN-TN ngày 10/12/2018 với Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41 đã được Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 05/2018/NQ-TNT ngày 6/12/2018. Khoản phải thu sẽ được thanh toán trước ngày 30/06/2019.

b) **Phải thu khách hàng là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Tư vấn quản lý và Xây dựng Việt Nam	5.620.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Tân Lộc - Điện Biên	3.614.735.000	-	-	-
Đặng Quang Hiền	3.124.227.000	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Nga Điện Biên	1.070.000.000	-	600.440.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Long Lâm Điện Biên	1.100.000.000	-	600.000.000	-
Các đối tượng khác	2.641.139.200	300.000.000	427.294.140	300.000.000
Cộng	17.170.101.200	300.000.000	1.627.734.140	300.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	31.038.068.258	-	64.943.636.364	-
Tạm ứng	4.148.325.500	-	13.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Nguyễn Hùng Cường (1)	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Phải thu khác	13.889.742.758	-	38.943.636.364	-
Công ty CP Xây dựng Tài nguyên Hà Nội	-	-	10.000.000.000	-
Trần Văn Tùng (2)	11.000.000.000	-	28.080.000.000	-
Các đối tượng khác	2.889.742.758	-	863.636.364	-
b) Dài hạn	170.210.000.000	-	204.924.550.000	-
Ký cược, ký quỹ	210.000.000	-	210.000.000	-
Phải thu khác	170.000.000.000	-	204.714.550.000	-
Góp vốn trực tiếp - Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - Phường Thanh Bình và Khu nhà ở phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (3)	170.000.000.000	-	170.000.000.000	-
Góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (4)	-	-	34.714.550.000	-
Cộng	201.248.068.258	-	269.868.186.364	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác:**

- (1) Theo Giấy thỏa thuận và nhận tiền đặt cọc ngày 22/06/2016 giữa Ông Nguyễn Hùng Cường (bên bán) và Công ty Cổ phần Tài Nguyên (bên mua), hai bên thỏa thuận mua bán Lô đất A1.1, Đường Hoàng Sa, Phường Mãn Thái, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam làm chủ sở hữu. Số tiền đặt cọc Công ty đã thực hiện chuyển khoản vào tài khoản của Bà Đỗ Thị Thanh Hương - là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã nộp đơn kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam lên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam ủy quyền cho ông Nguyễn Hùng Cường về việc đàm phán giao dịch, ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tài Nguyên. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty đang trong quá trình kiện tụng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án nhân dân, Công ty sẽ thu hồi được khoản phải thu này với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam.
- (2) Khoản phải thu ông Trần Văn Tùng về chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 04/10/2017/HĐCNCP ngày 04/10/2017 với thời hạn thanh toán trong vòng một năm sau khi hợp đồng được ký kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- (3) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐHTKD/2015 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên ký ngày 12/08/2015, Công ty Cổ phần Tài nguyên góp 170 tỷ đồng để hai bên cùng triển khai thực hiện Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - phường Thanh Bình và Khu nhà ở tại phường Tân Thanh - thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên. Hai bên thống nhất sẽ chia sản phẩm hoặc (và) lợi nhuận của dự án này tùy thuộc vào khả năng nào có lợi nhất. Theo đó, Công ty Cổ phần Tài Nguyên được chia 65% hoặc tỷ lệ nhỏ hơn tùy thuộc tỷ lệ góp vốn thỏa thuận. Hợp đồng số 05/HĐHTKD/2015 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên ký ngày 12/08/2015 được cụ thể hóa bằng hai hợp đồng hợp tác đầu tư cho 02 dự án như sau:
- a) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2016/HĐHTĐT giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên (bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên (bên A) ký ngày 05/01/2016 về hợp tác đầu tư dự án Khu nhà ở Tân Thanh, phường Tân Thanh và phường Him Lam, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Mục đích của việc hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh khu nhà ở Tân Thanh phường Tân Thanh và phường Him Lam, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích 49.120m². Hợp đồng này để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Phương thức hợp tác kinh doanh và góp vốn đầu tư. Bên A góp vốn bằng quyền sử dụng mặt bằng có diện tích kể trên. Bên B góp bằng các chi phí đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác Dự án và chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Dự án, số vốn góp của bên B theo hợp đồng này là 146 tỷ đồng chiếm 56,5% tổng mức đầu tư của Dự án. Tổng mức đầu tư của Dự án là 258 tỷ đồng (đã bao gồm quyền sử dụng đất của Dự án). Phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Bên A ủy quyền cho Bên B được quyền quyết định việc kinh doanh khai thác Dự án.
- b) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên ký ngày 05/01/2016 về hợp tác đầu tư dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Mục đích của việc hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích 13.323m². Hợp đồng này để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Phương thức hợp tác kinh doanh và góp vốn đầu tư. Bên A góp vốn bằng quyền sử dụng mặt bằng có diện tích kể trên. Bên B góp bằng các chi phí đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác Dự án và chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Dự án, số vốn góp của bên B theo hợp đồng này là 24 tỷ đồng chiếm 65% tổng mức đầu tư của Dự án. Tổng mức đầu tư của Dự án là 37 tỷ đồng (đã bao gồm quyền sử dụng đất của Dự án). Phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Bên A ủy quyền cho Bên B được quyền quyết định việc kinh doanh khai thác Dự án.

Đến thời điểm 31/12/2018, Dự án đã thực hiện xong giai đoạn 1. Công ty đã thực hiện nghiệm thu khối lượng hoàn thành và đang trình Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên và các cơ quan khác phê duyệt theo quy định của Dự án xây dựng - chuyển giao (Dự án BT), các chi phí giai đoạn 1 sau khi được phê duyệt sẽ được cân đối bù trừ và hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền thuế sử dụng đất và được cấp quyền sử dụng đất. Công ty đang tiến hành giai đoạn 2 của dự án là đầu tư xây dựng phần kiến trúc.

- (4) Công ty tham gia góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25/05/2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tây Bắc và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Ngày 10/12/2018 theo hợp đồng chuyển nhượng số 1012/2018 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và lợi nhuận của dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội của hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25/05/2009 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;				
Phải thu khách hàng	19.600.604.197	5.880.181.259	25.717.400.115	25.717.400.115
Công ty TNHH Tân	7.182.843.532	2.154.853.060	7.182.843.532	7.182.843.532
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	1.978.038.929	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty TNHH Đá Châu Âu	4.800.000.000	1.440.000.000	11.941.093.486	11.941.093.486
Công ty Cổ Phần Đá An Hưng	1.024.297.568	307.289.270	-	-
Trả trước cho người bán	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản và Kiểm định xây dựng Việt Nam	175.000.000	-	175.000.000	-
Liên đoàn Bản đồ địa chất Miền Bắc	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	25.000.000	-	25.000.000	-
Cộng	19.900.604.197	5.880.181.259	26.017.400.115	25.717.400.115

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	17.634.919.649	-	11.935.860.289	-
Hàng hóa	-	-	575.732.846	-
Cộng	17.634.919.649	-	12.511.593.135	-

(*) Theo hợp đồng số 14/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 10/03/2017 được ký kết giữa chủ đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ môi trường Tỉnh Điện Biên (Bên A) với nhà thầu Công ty Cổ phần Tài Nguyên (Bên B) về việc thi công hạ tầng kỹ thuật (giao thông, tường kê, tường rào, thoát nước mưa, thoát nước thải). Tổng giá trị của hợp đồng là 28.466.872.000 đồng đã bao gồm thuế GTGT. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại 31/12/2018 là các chi phí tập hợp đến thời điểm 31/12/2018, số dư là 17.634.919.649 đồng.

8. Chi phí trả trước

31/12/2018 01/01/2018

	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.118.423	21.987.120
Phí bảo hiểm xe ô tô	17.118.423	19.087.120
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	2.900.000
b) Dài hạn	41.029.380	148.427.751
Chi phí thiết kế, lắp đặt văn phòng	14.113.223	63.088.820
Phí sử dụng đường bộ	2.026.016	6.078.008
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	24.890.141	79.260.923
Cộng	58.147.803	170.414.871

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	3.429.650.909	3.429.650.909
Số dư ngày 31/12/2018	3.429.650.909	3.429.650.909
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2018	521.692.848	521.692.848
Khấu hao trong kỳ	601.741.452	601.741.452
Số dư ngày 31/12/2018	1.123.434.300	1.123.434.300
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	2.907.958.061	2.907.958.061
Tại ngày 31/12/2018	2.306.216.609	2.306.216.609
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.306.216.609 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.907.958.061 VND)		

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	47.365.000	47.365.000
Số dư ngày 31/12/2018	47.365.000	47.365.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2018	47.365.000	47.365.000
Số dư ngày 31/12/2018	47.365.000	47.365.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 47.365.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 47.365.000 VND)		

11. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Làng đá Sài Gòn	300.000.000	300.000.000	24.111.964.104	24.111.964.104
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Lan Anh Hoa Cương	16.694.030.517	16.694.030.517	16.694.030.517	16.694.030.517
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Tuyên	4.128.467.100	4.128.467.100	4.128.467.100	4.128.467.100
Các đối tượng khác	6.501.365.508	6.501.365.508	33.058.123.578	33.058.123.578
Cộng	<u>27.623.863.125</u>	<u>27.623.863.125</u>	<u>77.992.585.299</u>	<u>77.992.585.299</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN

12. Vay và nợ thuê tài chính

12. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2018		Trong kỳ		01/01/2018		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
Nợ dài hạn đến hạn trả							
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội - PGD Ba Đình (1)	414.060.000	414.060.000	-	-	414.060.000	414.060.000	414.060.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Phòng giao dịch Trung tâm Kinh doanh (2)	414.060.000	414.060.000	-	-	414.060.000	414.060.000	414.060.000
PGD Ba Đình (1)	277.560.000	277.560.000	-	-	277.560.000	277.560.000	277.560.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Phòng giao dịch Trung tâm Kinh doanh (2)	136.500.000	136.500.000	-	-	136.500.000	136.500.000	136.500.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
Vay ngân hàng							
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội - PGD Ba Đình (1)	1.316.970.000	1.316.970.000	-	414.060.000	1.731.030.000	1.731.030.000	1.731.030.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội - PGD Ba Đình (1)	1.316.970.000	1.316.970.000	-	414.060.000	1.731.030.000	1.731.030.000	1.731.030.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Phòng giao dịch Trung tâm Kinh doanh (2)	1.225.970.000	1.225.970.000	-	277.560.000	1.503.530.000	1.503.530.000	1.503.530.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Phòng giao dịch Trung tâm Kinh doanh (2)	91.000.000	91.000.000	-	136.500.000	227.500.000	227.500.000	227.500.000
Tổng cộng	1.731.030.000	1.731.030.000	-	414.060.000	2.145.090.000	2.145.090.000	2.145.090.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 079/17/HDTD/0802-6251 ngày 19/05/2017 tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Hà Nội - PGD Ba Đình với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 1.943.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung tài sản cố định - Mua xe ô tô Mercedes-Benz E250, thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 008/17/HDTCTri giá 2.429.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 1.503.530.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 277.560.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 331/2016/HDTDTDH-PN/SHB.110100 ngày 06/09/2016 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Phòng giao dịch Trung Tâm kinh doanh với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 546.000.000 đồng, mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ đi lại, thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 227.500.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 136.500.000 đồng.

b) *Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2*

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (*)	-	9.500.000.000
Cộng	-	9.500.000.000

(*) Khoản người mua trả trước của Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên số tiền 9.500.000.000 đồng. Đây là khoản tiền ứng trước cho việc thi công Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - phường Thanh Bình, tỉnh Điện Biên.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2018
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	182.414.204	257.728.326	440.142.530	-
Thuế thu nhập cá nhân	102.581.338	135.355.260	203.786.495	34.150.103
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế khác	129.714.589	-	129.714.589	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	25.972.518	-	25.972.518	-
Cộng	440.682.649	397.083.586	803.616.132	34.150.103
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	26.343.673	-	-	26.343.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.827.442	-	-	5.827.442
Cộng	32.171.115	-	-	32.171.115

15. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	7.090.987	13.976.987
Phải trả Bảo hiểm xã hội tiền phạt chậm nộp	-	509.343.530
Doanh nghiệp tư nhân Văn Sơn	570.907.572	-
Công ty CP Thiết kế xây dựng và Thương mại Duy Anh	236.552.000	-
Công ty CP Xây dựng Henryco Việt Nam (*)	2.320.575.150	-
Các khoản phải trả khác	19.921.181	19.921.181
Ký quỹ, ký cược	-	4.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Vân (**)	-	4.300.000.000
Cộng	3.155.046.890	4.843.241.698

(*) Khoản phải trả khác của Công ty CP Xây dựng Henryco Việt Nam theo hợp đồng thi công xây dựng số 19/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 20/06/2017 về việc thực hiện gói thầu thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án khu nhà ở phía tây sông Nậm Rốm tại phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Công trình Nậm Rốm mà Công ty CP Tài Nguyên được ủy quyền thực hiện kinh doanh, khai thác.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(**) Theo Quyết định số 08/2017/QĐST-KDTM ngày 27/06/2017 của Toà án nhân dân Quận Thanh Xuân - Hà Nội về nghĩa vụ hoàn trả công nợ của Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Vân theo Hợp đồng vay tiền số 2711/2009/HĐVT ký ngày 27 tháng 11 năm 2009, số tiền Công ty Cổ phần Tài nguyên còn phải trả Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hải Vân là 4.300.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2018 khoản này đã được hoàn trả.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (*)	925.823.636	925.823.636
Cộng	925.823.636	925.823.636

(*) Khoản chi phí phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng THIKECO về chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, số tiền 925.823.636 đồng. Đến thời điểm 31/12/2018, khoản chi phí trên vẫn chưa được Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO lập hoá đơn và bàn giao cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên.

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2017	255.000.000.000	2.019.000.000	8.839.724.959	265.858.724.959
Lãi trong năm trước	-	-	3.789.131.390	3.789.131.390
Số dư tại 31/12/2017	255.000.000.000	2.019.000.000	12.628.856.349	269.647.856.349
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.917.693.087)	(1.917.693.087)
Số dư tại 31/12/2018	255.000.000.000	2.019.000.000	10.711.163.262	267.730.163.262

17.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn góp của các cổ đông	255.000.000.000	255.000.000.000
Cộng	255.000.000.000	255.000.000.000

17.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	255.000.000.000	255.000.000.000
Vốn góp đầu năm	255.000.000.000	255.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	255.000.000.000	255.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17.4 Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.500.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	44.295.989.020	142.381.999.956
Cộng	44.295.989.020	142.381.999.956

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.114.716.812	133.300.264.051
Cộng	38.114.716.812	133.300.264.051

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.224.945	4.366.348
Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án (*)	10.500.000.000	-
Cộng	10.502.224.945	4.366.348

(*) Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án khu chung cư để bán và văn phòng làm việc cho thuê tại Khu chung cư Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng với Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41.

4. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	220.797.279	147.269.568
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	91.617.658
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	254.093.147	-
Cộng	474.890.426	238.887.226

5. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập khác	28.047.739	-
Cộng	28.047.739	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Nguyễn Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí khác	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi chậm nộp bảo hiểm	1.690.515	104.407.878
Lãi chậm nộp thuế	77.528.169	302.780.278
Chi phí khác	9.883.636	312.578.585
Cộng	89.102.320	719.766.741
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	283.658.105	-
Chi phí nhân viên	283.658.105	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	17.781.587.128	4.538.316.896
Chi phí nhân viên quản lý	2.181.894.939	2.812.810.682
Chi phí vật liệu quản lý	-	152.602.265
Chi phí đồ dùng văn phòng	111.299.945	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	601.741.452	358.575.595
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	13.720.422.938	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.091.870.777	1.143.567.702
Chi phí bằng tiền khác	70.357.077	67.760.652
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(200.000.000)
Hoàn nhập dự phòng phải thu	-	(200.000.000)
Cộng	18.065.245.233	4.338.316.896
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	152.602.265
Chi phí nhân công	2.465.553.044	2.812.810.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.741.452	461.426.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.203.170.722	1.040.716.389
Chi phí khác bằng tiền	74.357.077	70.760.652
Cộng	4.344.822.295	4.538.316.896
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.917.693.087)	3.789.131.390
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	243.379.290	719.766.741
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	(4.508.898.131)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.674.313.797)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	2.659.503.383
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	414.060.000	1.014.913.383

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Nguyễn Gia Long (*)

Nguyễn Gia Khoa (**)

Nguyễn Gia Minh (***)

Nguyễn Bá Huân

Vũ Tuấn Hoàng

Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41

Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Tài

Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên

Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên

Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Công ty hợp tác kinh doanh

Công ty con

Công ty con

Công ty hợp tác kinh doanh

Công ty hợp tác kinh doanh, Công ty đã thoái vốn theo Nghị quyết của HĐQT số 06/2017/NQ-TNT

(*) Ông Nguyễn Gia Long Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41.

(**) Ông Nguyễn Gia Khoa là thành viên góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên

(***) Ông Nguyễn Gia Minh là thành viên góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên, Tổng Giám đốc của Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	740.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41	-	740.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	10.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41	10.500.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tạm ứng	-	13.000.000.000
Ông Nguyễn Bá Huân	-	8.000.000.000
Ông Nguyễn Gia Khoa	-	5.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	2.889.742.758	863.636.364
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên	2.889.742.758	863.636.364
Phải thu ngắn hạn	32.214.550.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41 (*)	32.214.550.000	-
Phải thu khác ngắn hạn (Hợp đồng hợp tác kinh doanh)	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội	-	10.000.000.000
Phải thu khác dài hạn (Hợp đồng hợp tác kinh doanh)	-	34.714.550.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41	-	34.714.550.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	170.000.000.000	170.000.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	1.130.000.000	1.256.000.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.170.000.000	1.070.000.000
Cộng	2.300.000.000	2.326.000.000

3. Báo cáo bộ phận**3.1. Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty có trụ sở duy nhất đặt tại Tầng 8, Tòa Nhà Thăng Long, Số 98A Phố Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. Đồng thời công ty có hai công ty con có trụ sở chính duy nhất tại số 34 đường Nguyễn Thị Định, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội và tại Km28 thôn Tân Phương, xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh của công ty mới chỉ diễn ra trong một phạm vi địa lý có điều kiện kinh tế và chính trị tương đối đồng nhất; không chịu sự kiểm soát ngoại hối; không có rủi ro về quản lý tiền tệ của Nhà nước; hoạt động kinh doanh tương đối đồng nhất trong môi trường địa lý đồng nhất. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

3.2. Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Vật liệu xây dựng, vật tư ngành nước của Công ty trong kỳ chiếm 100% tổng doanh thu và diễn ra toàn bộ trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Công cụ tài chính***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay	1.731.030.000	2.145.090.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.248.420.619	2.609.194.454
Nợ thuần	482.609.381	(464.104.454)
Vốn chủ sở hữu	267.730.163.262	269.647.856.349
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,18%	

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.248.420.619	2.609.194.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	247.287.003.326	340.173.213.855
Tổng cộng	248.535.423.945	342.782.408.309

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.731.030.000	2.145.090.000
Phải trả người bán và phải trả khác	30.778.910.015	82.835.826.997
Chi phí phải trả	925.823.636	925.823.636
Tổng cộng	33.435.763.651	85.906.740.633

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	30.778.910.015	-	30.778.910.015
Chi phí phải trả	925.823.636	-	925.823.636
Các khoản vay	414.060.000	1.316.970.000	1.731.030.000

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	82.835.826.997	-	82.835.826.997
Chi phí phải trả	925.823.636	-	925.823.636
Các khoản vay	414.060.000	1.731.030.000	2.145.090.000

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.248.420.619	-	1.248.420.619
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.077.003.326	170.210.000.000	247.287.003.326

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.609.194.454	-	2.609.194.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.248.663.855	204.924.550.000	340.173.213.855

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

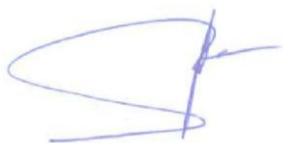
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Tươi

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Huân

T. T. H. H. I. O. I.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Nguyễn Như Kôn Tum,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Gia Khoa	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 22/10/2018)
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên (bỏ nhiệm từ ngày 25/06/2018)

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Bá Huân	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 07/01/2019)
Ông Nguyễn Gia Long	Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 07/01/2019)
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN



Nguyễn Bá Huân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số: 2019-19/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tài Nguyên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên (Công ty con) đã phát hành thành công 46 trái phiếu tương ứng với giá trị 46 tỷ đồng cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của Công ty để thực hiện hợp tác đầu tư giai đoạn 2 dự án Khu nhà ở Tân Thanh tại Phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên đang dùng toàn bộ số tiền nhận được từ việc phát hành trái phiếu nêu trên để góp vốn hợp tác đầu tư vào xây dựng và khai thác kinh doanh Dự án đầu tư Khu đô thị phía bắc đường trục trung tâm, Khu đô thị phía nam quốc lộ 5 thuộc khu đô thị Phố Mới, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Việc sử dụng vốn như trên là chưa phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu trên phương án phát hành đã công bố.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số V.4 - "Phải thu khác" của bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, số dư khoản ký cược ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 13 tỷ đồng. Đây là khoản tiền đặt cọc cho ông Nguyễn Hùng Cường (đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam) để mua bán Lô đất A1.1, Đường Hoàng Sa, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam làm chủ sở hữu. Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã nộp đơn kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam lên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam ủy quyền cho ông Nguyễn Hùng Cường về việc đàm phán giao dịch, ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tài Nguyên. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty vẫn đang trong quá trình kiện tụng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án nhân dân, Công ty sẽ thu hồi được khoản phải thu này với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào kết quả phán quyết cuối cùng của Tòa án.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 09/04/2018. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty đối với ông Trần Thanh Nga về việc nhận góp vốn để mua căn nhà vườn trong dự án khu chung cư Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với số tiền 14,44 tỷ đồng (Trong đó số dư nợ gốc là 10 tỷ đồng, số lãi phải trả là 3,44 tỷ đồng và số tiền phạt chậm trả là 1 tỷ đồng). Ngày 30/08/2018, Công ty đã có biên bản làm việc ba bên giữa Công ty, ông Trần Thanh Nga và Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41. Theo đó, Công ty CP Tài Nguyên không còn nghĩa vụ nợ phải cho ông Trần Thanh Nga về sự việc trên.



Ngô Bá Duy
Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Nguyễn Vũ Huy
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01- DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.073.652.817	152.425.915.133
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.885.919.733	2.977.734.356
1 Tiền	111		1.885.919.733	2.977.734.356
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.760.030.188	136.862.397.995
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	70.063.283.668	70.591.027.491
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	17.180.101.200	1.627.734.140
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	34.538.860.744	64.945.428.850
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.022.215.424)	(301.792.486)
IV. Hàng tồn kho	140		17.634.919.649	12.511.593.135
1 Hàng tồn kho	141	V.06	17.634.919.649	12.511.593.135
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		792.783.247	74.189.647
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	17.118.423	21.987.120
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		723.462.297	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.12	52.202.527	52.202.527
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		237.557.245.989	222.634.935.812
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		235.210.000.000	219.578.550.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.04	235.210.000.000	219.578.550.000
II. Tài sản cố định	220		2.306.216.609	2.907.958.061
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.306.216.609	2.907.958.061
- Nguyên giá	222		3.429.650.909	3.429.650.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.123.434.300)	(521.692.848)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
- Nguyên giá	228		47.365.000	47.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.365.000)	(47.365.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.029.380	148.427.751
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	41.029.380	148.427.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		365.630.898.806	375.060.850.945

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01- DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		88.842.231.293	99.562.319.227
I. Nợ ngắn hạn	310		41.971.473.414	97.831.289.227
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	35.991.173.619	81.468.015.299
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	-	9.500.000.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	134.370.201	463.148.594
4 Phải trả người lao động	314		261.990.000	217.000.000
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.007.138.704	925.823.636
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.162.740.890	4.843.241.698
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	414.060.000	414.060.000
II. Nợ dài hạn	330		46.870.757.879	1.731.030.000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	46.870.757.879	1.731.030.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.788.667.513	275.498.531.718
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	276.788.667.513	275.498.531.718
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.000.000.000	255.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.000.000.000	255.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2.019.000.000	2.019.000.000
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.751.535.897	12.682.500.888
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.682.500.888	8.866.766.415
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		(1.930.964.991)	3.815.734.473
4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.018.131.616	5.797.030.830
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		365.630.898.806	375.060.850.945

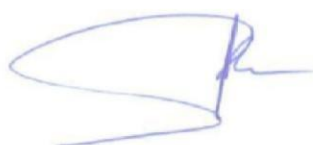
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Tươi



Vũ Thị Hồng Nhung



Nguyễn Bá Huân

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	53.756.830.531	142.641.999.956
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		53.756.830.531	142.641.999.956
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	45.814.848.170	133.330.264.051
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.941.982.361	9.311.735.905
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.502.704.468	4.381.285
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	1.374.082.044	238.887.226
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.302.112.347	147.269.568
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.7	912.637.832	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.275.465.065	4.500.750.396
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(2.117.498.112)	4.576.479.568
12 Thu nhập khác	31	VI.5	28.048.139	-
13 Chi phí khác	32	VI.6	92.571.232	721.668.984
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(64.523.093)	(721.668.984)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		(2.182.021.205)	3.854.810.584
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	13.516.287
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(2.182.021.205)	3.841.294.297
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(1.930.964.991)	3.815.734.473
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(251.056.214)	25.559.824
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(75,72)	150

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Tươi

Vũ Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TÀI NGUYÊN
THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Bá Huân

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

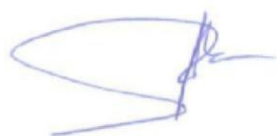
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.182.021.205)	3.854.810.584
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		601.741.452	461.426.908
- Các khoản dự phòng	03		13.720.422.938	(200.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.502.704.468)	(4.381.285)
- Chi phí lãi vay	06		1.302.112.347	147.269.568
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.939.551.064	4.259.125.775
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(972.967.428)	34.946.637.276
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.123.326.514)	(11.435.860.289)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(56.941.130.881)	(26.048.105.576)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		112.267.068	127.560.614
- Tiền lãi vay đã trả	14		(220.797.279)	(147.269.568)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.472.157.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(56.734.246.970)	1.702.088.232
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(2.525.661.818)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.502.704.468	4.381.285
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.502.704.468	(2.521.280.533)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		45.553.787.879	2.659.503.383
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(414.060.000)	(1.014.913.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.139.727.879	1.644.590.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.091.814.623)	825.397.699
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.977.734.356	2.152.336.657
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	1.885.919.733	2.977.734.356

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Tươi



Vũ Thị Hồng Nhung



Nguyễn Bá Huân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007. Công ty có 20 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 20 ngày 03/01/2019 do thay đổi người đại theo pháp luật thì vốn Điều lệ của Công ty là **255.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNT.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng và thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Bán thẻ điện thoại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Tùy từng lĩnh vực kinh doanh mà chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

- Đối với hoạt động kinh doanh bán hàng thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.
- Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên	Tầng 5, số nhà 34, phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ Bất động sản, bán buôn nông lâm sản nguyên liệu	51%	51%	51%
2. Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên	Km 28, thôn Tân Phương, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**6.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng đối với Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn với khung thời gian khấu hao là từ 06 - 10 năm.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT – BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: Phí bảo hiểm xe ô tô, chi phí thiết kế, lắp đặt văn phòng, phí sử dụng đường bộ, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và từ trên 12 tháng đến không quá 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí bảo hiểm xe ô tô: Chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí thiết kế, lắp đặt văn phòng: Chi phí phát sinh có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến không quá 36 tháng.

Chi phí Phí sử dụng đường bộ: Chi phí phát sinh có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng ghi trong biên lai thu phí là 2,5 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) và ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thông báo từ BCC hoặc phân chia sản phẩm phụ thuộc vào khả năng có lợi nhất theo thỏa thuận của BCC.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước chi phí lãi vay trái phiếu phải trả căn cứ theo hợp đồng và khoản trích trước chi phí phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO về chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, số tiền 925.823.636 đồng. Đến thời điểm 31/12/2018, khoản chi phí trên vẫn chưa được Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO lập hoá đơn và bàn giao cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng, thành phẩm và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hàng hóa dịch vụ cung cấp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền		
Tiền mặt	1.385.587.311	1.778.428.878
Tiền gửi ngân hàng	500.332.422	1.199.305.478
Cộng	1.885.919.733	2.977.734.356

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Phát triển Ngọc Linh	-	-	14.224.948.141	-
Công ty TNHH Đá Châu Âu	4.800.000.000	3.360.000.000	11.941.093.486	-
Công ty TNHH Tần Cương	7.182.843.532	5.027.990.472	7.182.843.532	-
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	4.615.424.168	6.593.463.097	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại On Home Việt Nam	32.000.000	-	10.036.144.906	-
Công ty CP Đầu tư AVF	5.188.619.461	-	-	-
Công ty Cổ phần Nền móng Mindipile	1.336.124.410	-	8.037.011.871	-
Công ty CP An Dương Hà Nội	10.103.867.753	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đá An Hưng	1.024.297.568	717.008.298	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41 (*)	32.214.550.000	-	-	-
Các đối tượng khác	1.587.517.847	-	12.575.522.458	-
Cộng	70.063.283.668	13.720.422.938	70.591.027.491	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.4

(*) Khoản phải thu về chuyển nhượng phần vốn góp tại Dự án Khu chung cư để bán và văn phòng làm việc cho thuê tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng số 1012/2018/HĐCN-TN ngày 10/12/2018 với Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41 đã được Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 05/2018/NQ-TNT ngày 6/12/2018. Khoản phải thu sẽ được thanh toán trước ngày 30/06/2019.

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Tư vấn quản lý và Xây dựng Việt Nam	5.620.000.000	-	-	-

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH Xây dựng Tân Lộc	3.614.735.000	-	-	-
- Điện Biên				
Đặng Quang Hiền	3.124.227.000	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Nga	1.070.000.000		600.440.000	-
Điện Biên				
Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng	1.100.000.000	-	600.000.000	-
Long Lâm Điện Biên				
Các đối tượng khác	2.651.139.200	300.000.000	427.294.140	300.000.000
Cộng	17.180.101.200	300.000.000	1.627.734.140	300.000.000

4. Phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	34.538.860.744	1.792.486	64.945.428.850	1.792.486
Tạm ứng	7.647.325.500		13.000.000.000	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Nguyễn Hùng Cường (1)	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Phải thu khác	13.891.535.244	1.792.486	38.945.428.850	1.792.486
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài nguyên Hà Nội	-	-	10.000.000.000	-
Trần Văn Tùng (2)	11.000.000.000	-	28.080.000.000	-
Các đối tượng khác	2.891.535.244	1.792.486	865.428.850	1.792.486
b) Dài hạn	235.210.000.000	-	219.578.550.000	-
Ký cược, ký quỹ	210.000.000	-	210.000.000	-
Phải thu khác	235.000.000.000	-	219.368.550.000	-
Góp vốn trực tiếp - Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, Phường Thanh Bình và Khu nhà ở phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (3)	170.000.000.000	-	170.000.000.000	-
Góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội (4)	-	-	34.714.550.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (5)	15.000.000.000	-	14.654.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tây Bắc (6)	50.000.000.000	-	-	-
Cộng	269.748.860.744	1.792.486	284.523.978.850	1.792.486

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- (1) Theo Giấy thỏa thuận và nhận tiền đặt cọc ngày 22/06/2016 giữa Ông Nguyễn Hùng Cường (bên bán) và Công ty Cổ phần Tài Nguyên (bên mua), hai bên thỏa thuận mua bán Lô đất A1.1, Đường Hoàng Sa, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam làm chủ sở hữu. Số tiền đặt cọc Công ty đã thực hiện chuyển khoản vào tài khoản của Bà Đỗ Thị Thanh Hương - là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã nộp đơn kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam lên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam ủy quyền cho ông Nguyễn Hùng Cường về việc đàm phán giao dịch, ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tài Nguyên. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty đang trong quá trình kiện tụng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án nhân dân, Công ty sẽ thu hồi được khoản phải thu này với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam.
- (2) Khoản phải thu ông Trần Văn Tùng về chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0410/2017/HĐCNCP ngày 04/10/2017 với thời hạn thanh toán trong vòng một năm sau khi hợp đồng được ký kết.
- (3) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐHTKD/2015 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tinh Điện Biên ký ngày 12/08/2015, Công ty Cổ phần Tài nguyên góp 170 tỷ đồng để hai bên cùng triển khai thực hiện Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - phường Thanh Bình và Khu nhà ở tại phường Tân Thanh - thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên. Hai bên thống nhất sẽ chia sản phẩm hoặc (và) lợi nhuận của dự án này tùy thuộc vào khả năng nào có lợi nhất. Theo đó, Công ty Cổ phần Tài Nguyên được chia 65% hoặc tỷ lệ nhỏ hơn tùy thuộc tỷ lệ góp vốn thỏa thuận. Hợp đồng số 05/HĐHTKD/2015 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tinh Điện Biên ký ngày 12/08/2015 được cụ thể hóa bằng hai hợp đồng hợp tác đầu tư cho 02 dự án như sau:
 - a) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2016/HĐHTĐT giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên (bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tinh Điện Biên (bên A) ký ngày 05/01/2016 về hợp tác đầu tư dự án Khu nhà ở Tân Thanh, phường Tân Thanh và phường Him Lam, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Mục đích của việc hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh khu nhà ở Tân Thanh phường Tân Thanh và phường Him Lam, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích 49.120m². Hợp đồng này để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Phương thức hợp tác kinh doanh và góp vốn đầu tư. Bên A góp vốn bằng quyền sử dụng mặt bằng có diện tích kể trên. Bên B góp bằng các chi phí đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác Dự án và chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Dự án, số vốn góp của bên B theo hợp đồng này là 146 tỷ đồng chiếm 56,5% tổng mức đầu tư của Dự án. Tổng mức đầu tư của Dự án là 258 tỷ đồng (đã bao gồm quyền sử dụng đất của Dự án). Phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Bên A ủy quyền cho Bên B được quyền quyết định việc kinh doanh khai thác Dự án.
 - b) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tinh Điện Biên ký ngày 05/01/2016 về hợp tác đầu tư dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Mục đích của việc hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích 13.323m². Hợp đồng này để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Phương thức hợp tác kinh doanh và góp vốn đầu tư. Bên A góp vốn bằng quyền sử dụng mặt bằng có diện tích kể trên. Bên B góp bằng các chi phí đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác Dự án và chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Dự án, số vốn góp của bên B theo hợp đồng này là 24 tỷ đồng chiếm 65% tổng mức đầu tư của Dự án. Tổng mức đầu tư của Dự án là 37 tỷ đồng (đã bao gồm quyền sử dụng đất của Dự án). Phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Bên A ủy quyền cho Bên B được quyền quyết định việc kinh doanh khai thác Dự án.

Đến thời điểm 31/12/2018, Dự án đã thực hiện xong giai đoạn 1. Công ty đã thực hiện nghiệm thu khối lượng hoàn thành và đang trình Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên và các cơ quan khác phê duyệt theo quy định của Dự án xây dựng - chuyển giao (Dự án BT), các chi phí giai đoạn 1 sau khi được phê duyệt sẽ được cân đối bù trừ và hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền thuế sử dụng đất và được cấp quyền sử dụng đất. Công ty đang tiến hành giai đoạn 2 của dự án là đầu tư xây dựng phần kiến trúc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (4) Công ty tham gia góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25/05/2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tây Bắc và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Ngày 10/12/2018 theo hợp đồng chuyển nhượng số 1012/2018 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và lợi nhuận của dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội của hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25/05/2009 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41.
- (5) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1506/2017HĐHTĐT ngày 15/06/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên, Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên góp 15 tỷ đồng để hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - phường Thanh Bình và khu nhà ở phường Tân Thanh - thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên.
- (6) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0212/2018/HTĐT/DVTN-TB ngày 02/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tây Bắc. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên góp 50 tỷ đồng để hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Dự án đầu tư Khu đô thị phía bắc đường trục trung tâm, Khu đô thị phía Nam quốc lộ 5 thuộc khu đô thị Phố Mới, huyện phố Mới, tỉnh Hưng Yên. Đến thời điểm 31/12/2018 Công ty đã góp đủ 50 tỷ đồng.
- c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.4

5. Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;				
Phải thu khách hàng	19.600.604.197	5.880.181.259	25.717.400.115	25.717.400.115
Công ty TNHH Tân Cương	7.182.843.532	2.154.853.060	7.182.843.532	7.182.843.532
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	1.978.038.929	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty TNHH Đá Châu Âu	4.800.000.000	1.440.000.000	11.941.093.486	11.941.093.486
Công ty Cổ phần Đá An Hưng	1.024.297.568	307.289.270	-	-
Trả trước cho người bán	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản và Kiểm định xây dựng Việt Nam	175.000.000	-	175.000.000	-
Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Bắc	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	25.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu khác	1.792.486	-	1.792.486	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SME - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.792.486	-	1.792.486	-
Cộng	19.902.396.683	5.880.181.259	26.019.192.601	25.717.400.115

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	17.634.919.649	-	11.935.860.289	-
Thành phẩm	-	-	575.732.846	-
Cộng	17.634.919.649	-	12.511.593.135	-

(*) Theo hợp đồng số Theo hợp đồng số 14/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 10/03/2017 được ký kết giữa chủ đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ môi trường Tỉnh Điện Biên (Bên A) với nhà thầu Công ty Cổ phần Tài Nguyên (Bên B) về việc thi công hạ tầng kỹ thuật (giao thông, tường kê, tường rào, thoát nước mưa, thoát nước thải). Tổng giá trị của hợp đồng là 28.466.872.000 đồng đã bao gồm thuế GTGT. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại 31/12/2018 là các chi phí tập hợp đến thời điểm 31/12/2018, số dư là 17.634.919.649 đồng.

7. Chi phí trả trước	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.118.423	21.987.120
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	2.900.000
Chi phí bảo hiểm	17.118.423	19.087.120
b) Dài hạn	41.029.380	148.427.751
Chi phí thiết kế, lắp đặt văn phòng	14.113.223	63.088.820
Phí sử dụng đường bộ	2.026.016	6.078.008
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	24.890.141	79.260.923
Cộng	58.147.803	170.414.871

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	3.429.650.909	3.429.650.909
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	3.429.650.909	3.429.650.909
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2018	521.692.848	521.692.848
Khấu hao trong năm	601.741.452	601.741.452
Số dư ngày 31/12/2018	1.123.434.300	1.123.434.300
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	2.907.958.061	2.907.958.061
Tại ngày 31/12/2018	2.306.216.609	2.306.216.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.306.216.609 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.907.958.061 VND)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phản mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	47.365.000	47.365.000
Số dư ngày 31/12/2018	47.365.000	47.365.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2018	47.365.000	47.365.000
Số dư ngày 31/12/2018	47.365.000	47.365.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 47.365.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 47.365.000 VND)

10. Phải trả người bán

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Làng đá Sài Gòn	300.000.000	300.000.000	24.111.964.104	24.111.964.104
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Lan Anh Hoa Cường	16.694.030.517	16.694.030.517	16.694.030.517	16.694.030.517
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Tuyên	4.128.467.100	4.128.467.100	4.128.467.100	4.128.467.100
Công ty CP Đầu tư AVF	8.278.458.210	8.278.458.210	-	-
Các đối tượng khác	6.590.217.792	6.590.217.792	36.533.553.578	36.533.553.578
Cộng	35.991.173.619	35.991.173.619	81.468.015.299	81.468.015.299

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.4**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (*)	-	9.500.000.000
Cộng	-	9.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(*) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên số tiền 9.500.000.000 đồng. Đây là khoản tiền ứng trước cho việc thi công Dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm - phường Thanh Bình, tỉnh Điện Biên.

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.4

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	203.880.149	356.607.112	461.608.475	98.878.786
Thuế thu nhập cá nhân	102.581.338	139.519.345	207.609.268	34.491.415
Các loại thuế khác	130.714.589	7.000.000	136.714.589	1.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	25.972.518	-	25.972.518	-
Cộng	463.148.594	503.126.457	805.932.332	134.370.201
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	26.343.673	-	-	26.343.673
Thuế TNDN	25.858.854	-	-	25.858.854
Cộng	52.202.527	-	-	52.202.527

13. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (*)	925.823.636	925.823.636
Lãi vay trái phiếu phải trả	1.081.315.068	-
Cộng	2.007.138.704	925.823.636

(*) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng THIKECO về chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, số tiền 925.823.636 đồng. Đến thời điểm 31/12/2018, khoản chi phí trên vẫn chưa được Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO lập hoá đơn và bàn giao cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)						
Ngắn hạn	414.060.000	414.060.000	4.414.060.000	4.414.060.000	414.060.000	414.060.000
Vay cá nhân	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Nguyễn Thế Tuấn Anh (1)	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	414.060.000	414.060.000	414.060.000	414.060.000	414.060.000	414.060.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội - PGD Ba Đình (2)	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - PGD Trung tâm Kinh doanh (3)	136.500.000	136.500.000	136.500.000	136.500.000	136.500.000	136.500.000
b)						
Dài hạn	46.870.757.879	46.870.757.879	45.553.787.879	414.060.000	1.731.030.000	1.731.030.000
Vay dài hạn	1.316.970.000	1.316.970.000	-	414.060.000	1.731.030.000	1.731.030.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội - PGD Ba Đình (2)	1.225.970.000	1.225.970.000	-	277.560.000	1.503.530.000	1.503.530.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - PGD Trung tâm Kinh doanh (3)	91.000.000	91.000.000	-	136.500.000	227.500.000	227.500.000
Trái phiếu phát hành	45.553.787.879	45.553.787.879	45.553.787.879	-	-	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (4)	45.553.787.879	45.553.787.879	45.553.787.879	-	-	-
Cộng	47.284.817.879	47.284.817.879	49.967.847.879	4.828.120.000	2.145.090.000	2.145.090.000
Trái phiếu phát hành		31/12/2018			01/01/2018	
		VND			VND	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá						
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (4)	45.553.787.879	11%/ năm	18 tháng	-	-	-
Cộng	45.553.787.879			-	-	-

(1) Là khoản vay theo hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2018 giữa Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Tài nguyên với Ông Nguyễn Thế Tuấn Anh với giá trị vay là 4 tỷ đồng, thời hạn vay 1 năm và mức lãi suất 0%/năm.

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(2) Hợp đồng tín dụng số 079/17/HDTD/0802-6251 ngày 19/05/2017 tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Hà Nội - PGD Ba Đình với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 1.943.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung tài sản cố định - Mua xe ô tô Mercedes -Benz E250, thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 008/17/HDTCT giá 2.429.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 1.503.530.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 277.560.000 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 331/2016/HDTDTDH-PN/SHB.110100 ngày 06/09/2016 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - PGD Trung Tâm kinh doanh với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 546.000.000 đồng, mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ đi lại, thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, lãi suất cho vay: Căn cứ theo từng giấy nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: Được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay, số dư nợ gốc tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2018 là 295.750.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 136.500.000 đồng.

(4) Khoản phát hành 46 trái phiếu bằng mệnh giá của Công ty tương đương với giá trị 46.000.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên số 0110 /NQ - ĐHĐCĐ với mục đích bổ sung vốn kinh doanh của Công ty để thực hiện hợp tác đầu tư giai đoạn 2 dự án Khu nhà ở Tân Thanh tại Phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tài sản đảm bảo cho khoản Trái phiếu phát hành là tất cả quyền tài sản phát sinh từ việc thực hiện dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm tại phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi toàn bộ nguồn thu, lợi ích bằng tiền phát sinh từ hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất dự án Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm. Trái phiếu được phát hành thông qua đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt. Và được bán theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 53/2018/HDDMTP/EVNFC- DVTAINGUYEN với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với số lượng trái phiếu là 46 trái phiếu tương đương với 46.000.000.000 đồng. Thời hạn trái phiếu 18 tháng và 6 kỳ tính lãi với mức lãi suất cố định 11%/năm.

15. Phải trả khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	14.784.987	13.976.987
Phải trả Bảo hiểm xã hội tiền phạt chậm nộp	-	509.343.530
Doanh nghiệp tư nhân Vân Sơn	570.907.572	-
Công ty CP Thiết kế xây dựng và Thương mại Duy anh	236.552.000	-
Công ty CP Xây dựng Henryco Việt Nam (*)	2.320.575.150	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Vân (**)	-	4.300.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.921.181	19.921.181
Cộng	3.162.740.890	4.843.241.698

(*) Phải trả Công ty CP Xây dựng Henryco Việt Nam theo hợp đồng thi công xây dựng số 19/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 20/06/2017 về việc thực hiện gói thầu thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án khu nhà ở phía tây sông Nậm Rốm tại phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên mà Công ty CP Tài Nguyên được ủy quyền thực hiện kinh doanh, khai thác.

(**) Theo Quyết định số 08/2017/QĐST-KDTM ngày 27/06/2017 của Toà án nhân dân Quận Thanh Xuân - Hà Nội về nghĩa vụ hoàn trả công nợ của Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Vân theo Hợp đồng vay tiền số 2711/2009/HĐVT ký ngày 27 tháng 11 năm 2009, số tiền Công ty Cổ phần Tài nguyên còn phải trả Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hải Vân là 4.300.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2018 khoản này đã được hoàn trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu					Đơn vị tính: VND	
16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu					Cộng	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		
Số dư ngày 01/01/2017	255.000.000.000	2.019.000.000	8.866.766.415	5.771.471.006	271.657.237.421	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	3.815.734.473	25.559.824	3.841.294.297	
Số dư ngày 31/12/2017	255.000.000.000	2.019.000.000	12.682.500.888	5.797.030.830	275.498.531.718	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.930.964.991)	(251.056.214)	(2.182.021.205)	
Điều chỉnh tăng do góp vốn của cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	-	-	-	3.472.157.000	3.472.157.000	
Số dư ngày 31/12/2018	255.000.000.000	2.019.000.000	10.751.535.897	9.018.131.616	276.788.667.513	

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Trần Công Minh		13.457.200.000	13.457.200.000
Vốn góp của các cổ đông khác		241.542.800.000	241.542.800.000
Cộng		255.000.000.000	255.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	255.000.000.000	255.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	255.000.000.000	255.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16.4 Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	25.500.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	53.756.830.531	142.381.999.956
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	260.000.000
Cộng	53.756.830.531	142.641.999.956

b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.4**2. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng	45.814.848.170	133.300.264.051
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
Cộng	45.814.848.170	133.330.264.051

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.704.468	4.381.285
Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án (*)	10.500.000.000	-
Cộng	10.502.704.468	4.381.285

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(*) Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án khu chung cư để bán và văn phòng làm việc cho thuê tại khu chung cư Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng với Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41.

4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	1.302.112.347	147.269.568
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	91.617.658
Chi phí phát hành trái phiếu	71.969.697	-
Cộng	1.374.082.044	238.887.226

5. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác	28.048.139	-
Cộng	28.048.139	-

6. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Phạt chậm nộp thuế	80.746.881	304.682.521
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.690.515	104.407.878
Chi phí khác	10.133.836	312.578.585
Cộng	92.571.232	721.668.984

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	912.637.832	-
Chi phí nhân viên	713.203.832	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.434.000	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	18.275.465.065	4.700.750.396
Chi phí vật liệu quản lý	-	152.602.265
Chi phí nhân viên quản lý	2.605.211.297	2.950.810.682
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	111.299.945	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	601.741.452	358.575.595
Thuế, phí, lệ phí	10.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng	13.720.422.938	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.152.709.795	1.165.001.202
Chi phí bằng tiền khác	74.079.638	67.760.652
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	200.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	200.000.000
Cộng	19.188.102.897	4.500.750.396

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	-	152.602.265
Chi phí nhân công	2.918.415.029	2.980.810.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.741.452	461.426.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.054.370.079	1.062.149.889
Chi phí khác bằng tiền	86.904.283	73.760.652
Cộng	5.661.430.843	4.730.750.396

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.930.964.991)	3.815.734.473
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.930.964.991)	3.815.734.473
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.500.000	25.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(75,72)	150

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	2.659.503.383
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	45.553.787.879	-
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	414.060.000	1.014.913.383

VIII Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***2. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

Các chính sách kế toán chủ yếu**Công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay	47.284.817.879	2.145.090.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.885.919.733	2.977.734.356
Nợ thuần	45.398.898.146	(832.644.356)
Vốn chủ sở hữu	276.788.667.513	275.498.531.718
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	16,40%	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.885.919.733	2.977.734.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	325.789.928.988	354.813.213.855
Tổng cộng	327.675.848.721	357.790.948.211
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	47.284.817.879	2.145.090.000
Phải trả người bán và phải trả khác	39.153.914.509	86.311.256.997
Chi phí phải trả	2.007.138.704	925.823.636
Tổng cộng	88.445.871.092	89.382.170.633

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà có cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	39.153.914.509	-	39.153.914.509
Chi phí phải trả	2.007.138.704	-	2.007.138.704
Các khoản vay	414.060.000	46.870.757.879	47.284.817.879

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	86.311.256.997	-	86.311.256.997
Chi phí phải trả	925.823.636	-	925.823.636
Các khoản vay	414.060.000	1.731.030.000	2.145.090.000

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.885.919.733	-	1.885.919.733
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.579.928.988	235.210.000.000	325.789.928.988

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.977.734.356	-	2.977.734.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.234.663.855	219.578.550.000	354.813.213.855

3. Báo cáo bộ phận**3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở duy nhất đặt tại Tầng 8, Tòa Nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. Đồng thời công ty có hai công ty con có trụ sở chính duy nhất tại số 34 đường Nguyễn Thị Định, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội và tại Km28 thôn Tân Phương, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh của công ty mới chỉ diễn ra trong một phạm vi địa lý có điều kiện kinh tế và chính trị tương đối đồng nhất; không chịu sự kiểm soát ngoại hối; không có rủi ro về quản lý tiền tệ của Nhà nước; hoạt động kinh doanh tương đối đồng nhất trong môi trường địa lý đồng nhất. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

3.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh Vật liệu xây dựng, vật tư ngành nước của Công ty trong kỳ chiếm 100% tổng doanh thu và diễn ra toàn bộ trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

a) Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Nguyễn Gia Long (*)

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Gia Khoa (**)

Thành viên HĐQT

Nguyễn Gia Minh (***)

Thành viên HĐQT

Nguyễn Bá Huân

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Vũ Tuấn Hoàng

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41

Công ty hợp tác kinh doanh

Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường
tỉnh Điện Biên

Công ty hợp tác kinh doanh

Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội

Công ty hợp tác kinh doanh, Công ty đã thoái vốn theo
Nghị quyết của HĐQT số 06/2017/NQ-TNT

(*) Ông Nguyễn Gia Long Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 41.

(**) Ông Nguyễn Gia Khoa là thành viên góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên.

(***) Ông Nguyễn Gia Minh là thành viên góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên, Tổng Giám đốc của Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên.

b) Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	740.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41	-	740.000.000
Thu hồi tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội	5.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính	10.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội Số 41	10.500.000.000	-

c) Số dư các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	2.891.535.244	863.636.364
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội	-	10.000.000.000
Dài hạn		
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41	-	34.714.550.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên	170.000.000.000	170.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phải thu khác

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41	32.214.550.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên	2.889.742.758	863.636.364

Người mua trả tiền trước

Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	-	9.500.000.000
---	---	---------------

Tạm ứng

Ông Nguyễn Bá Huân	-	8.000.000.000
Ông Nguyễn Gia Khoa	-	5.000.000.000

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

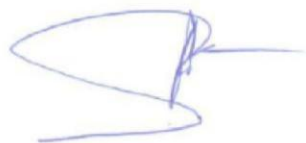
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	1.130.000.000	1.256.000.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.170.000.000	1.070.000.000
Cộng	1.170.000.000	1.070.000.000

5. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Người lập



Nguyễn Thị Hồng Tươi

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Huân

